

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/2006/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam  
đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Thông báo số 191-TB/TW ngày 01 tháng 9 năm 2005 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về mục tiêu, giải pháp phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Tờ trình số 49/TTr-NHNN-m ngày 09 tháng 02 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức tín dụng tổ chức triển khai thực hiện các dự án, đề án để thực hiện các mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam kèm theo Quyết định này; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện theo định kỳ hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện vào năm 2007 và tổng kết vào năm 2010.

Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức triển khai nghiên cứu xây dựng các dự án, đề án quan trọng sau:

1. Dự án Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (mới) thay thế Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (năm 1997) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (năm 2003), (trình Quốc hội trong năm 2008).

2. Dự án Luật các Tổ chức tín dụng (mới) thay thế Luật các Tổ chức tín dụng (năm 1997) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (năm 2004), (trình Quốc hội trong năm 2008).

3. Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi, (trình Quốc hội sau năm 2007).

4. Dự án Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng, (trình Quốc hội sau năm 2007).

5. Đề án tăng cường năng lực tài chính (tăng vốn tự có, xử lý các tổn động tài chính, chủ yếu là nợ xấu) của các ngân hàng thương mại theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kế toán, phân loại nợ và lộ trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước, (trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2006 để phê duyệt).

6. Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, (trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).

7. Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, (trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).

8. Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, (trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).

9. Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn II do Ngân hàng Thế giới tài trợ, (hoàn thành triển khai trước ngày 31 tháng 12 năm 2007).

10. Dự án hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Thế giới tài trợ, (trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 6 năm 2007 để phê duyệt).

11. Đề án lộ trình nâng cao tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, khắc phục từng bước hiện tượng đô la hóa trong nền kinh tế, (trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).



12. Xây dựng Đề án tuyên truyền và phát triển hoạt động tài chính quy mô nhỏ, nâng cao vai trò của hoạt động tài chính quy mô nhỏ trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo, (trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).

13. Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia, (trình Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).

Giao Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng quy định về hình thức, cơ chế công bố thông tin về lạm phát (hoàn thành trong năm 2006).

Trong phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền của mình, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động xây dựng và triển khai các đề án, dự án để thực hiện các mục tiêu định hướng và giải pháp phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam nêu tại Đề án phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 kèm theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Phan Văn Khải**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN**

**Phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam  
đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg  
ngày 24 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG**

**1. Mục tiêu phát triển Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (viết tắt là NHNN)  
đến năm 2010 và định hướng chiến lược đến năm 2020**

Đổi mới tổ chức và hoạt động của NHNN để hình thành bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực, năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ (viết tắt là CSTT) theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, thực hiện các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng trung ương, hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 phát triển NHNN trở thành ngân hàng trung ương hiện đại, đạt trình độ tiên tiến của các ngân hàng trung ương (viết tắt là NHTW) trong khu vực châu Á.

Xây dựng và thực thi có hiệu quả CSTT nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều hành tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái theo cơ chế thị trường thông qua sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ CSTT gián tiếp. Ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyên đổi của đồng tiền Việt Nam. CSTT tạo điều kiện huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực tài chính. Kết hợp chặt chẽ CSTT với chính sách tài khóa để định hướng và khuyến khích công chúng tiết kiệm, đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.



## **2. Mục tiêu phát triển các tổ chức tín dụng (viết tắt là TCTD) đến năm 2010 và định hướng chiến lược đến năm 2020**

Cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các TCTD theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình TCTD, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các TCTD hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực Châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới. Bảo đảm các TCTD, kể cả các TCTD nhà nước hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc thị trường và vì mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận. Phát triển hệ thống TCTD hoạt động an toàn và hiệu quả vững chắc dựa trên cơ sở công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, áp dụng thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng thương mại. Phát triển các TCTD phi ngân hàng để góp phần phát triển hệ thống tài chính đa dạng và cân bằng hơn. Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các dịch vụ, tiện ích ngân hàng cho nền kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hình thành thị trường dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là thị trường tín dụng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các loại hình TCTD, tạo cơ hội cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu hợp pháp, đủ khả năng và điều kiện được tiếp cận một cách thuận lợi các dịch vụ ngân hàng. Ngăn chặn và hạn chế mọi tiêu cực trong hoạt động tín dụng.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Tách bạch tín dụng chính sách và tín dụng thương mại trên cơ sở phân biệt chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại (viết tắt là NHTM). Bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của TCTD trong kinh doanh. Tạo điều kiện cho các TCTD trong nước nâng cao năng lực quản lý, trình độ nghiệp vụ và khả năng cạnh tranh. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của Việt Nam với quốc tế. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục củng cố, lành mạnh hóa và phát triển các ngân hàng cổ phần; ngăn ngừa và xử lý kịp thời, không để xảy ra đổ vỡ ngân hàng ngoài sự kiểm soát của NHNN đối với các TCTD yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và phát triển vững chắc, an toàn, hiệu quả.

LawSoul \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Phương châm hành động của các TCTD là “**An toàn - Hiệu quả - Phát triển bền vững - Hội nhập quốc tế**”.

### **Một số chỉ tiêu tiền tệ và hoạt động ngân hàng giai đoạn 2006 - 2010**

1. Lạm phát (%/năm)	Thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế
2. Tăng trưởng bình quân tổng phương tiện thanh toán (M2) (%/năm)	18 - 20
3. Tỷ lệ M2/GDP đến cuối năm 2010 (%)	100 - 115
4. Tỷ trọng tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng/ M2 đến năm 2010 (%)	Không quá 18
5. Tăng trưởng bình quân tín dụng (%/năm)	18 - 20
6. Tỷ lệ an toàn vốn đến năm 2010 (%)	Không dưới 8
7. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ đến năm 2010 (%)	Dưới 5
8. Chuẩn mực giám sát ngân hàng đến năm 2010	Chuẩn mực quốc tế (Basel I)
9. Dự trữ quốc tế tối thiểu đến năm 2010	12 tuần nhập khẩu

**Ghi chú:** Nợ xấu được xác định theo tiêu chuẩn phân loại nợ của Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế

Một số NHTM đạt mức vốn tự có tương đương 800 - 1.000 triệu USD đến năm 2010, có thương hiệu mạnh và khả năng cạnh tranh quốc tế. Phần đầu hình thành được ít nhất một tập đoàn tài chính hoạt động đa năng trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

## **II. CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỤ THỂ**

### **1. Định hướng phát triển Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đến năm 2010**

#### **a) Nâng cao vị thế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

NHNN hoạt động thực sự với tư cách và mang đầy đủ tính chất là NHTW trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ yếu thực hiện chức năng ngân hàng trung ương (ngân hàng phát hành tiền, ngân hàng của các ngân hàng, người cho vay cuối cùng, cơ quan điều tiết thị trường tiền tệ và trung tâm thanh toán)



và chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng. Nhiệm vụ của NHNN chủ yếu nhằm mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng, góp phần tạo môi trường vĩ mô thuận lợi cho tăng trưởng và phát triển bền vững kinh tế - xã hội. NHNN độc lập, tự chủ trong việc xây dựng, điều hành CSTT, lãi suất và tỷ giá hối đoái. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của NHNN trong việc tổ chức thực hiện chiến lược, xây dựng và điều hành CSTT trên cơ sở phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ và hạn chế sự can thiệp của các cơ quan liên quan vào quá trình xây dựng và thực thi CSTT, pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Quan hệ giữa NHNN với các Bộ, ngành và các TCTD cần được phân định rõ; đồng thời cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa NHNN với các cơ quan chức năng, đặc biệt là Bộ Tài chính trong xây dựng và điều hành CSTT. NHNN có trách nhiệm và quyền hạn chủ chốt trong việc quản lý, giám sát hoạt động của các TCTD và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong việc quản lý, giám sát toàn bộ hệ thống tài chính. NHNN không trực tiếp chỉ đạo tác nghiệp và can thiệp vào quyết định kinh doanh của các TCTD thuộc mọi thành phần kinh tế. NHNN có đủ nguồn lực và độc lập tương đối về nghiệp vụ, tổ chức và tài chính, hoạt động với cơ chế khác với các cơ quan hành chính - sự nghiệp, nhưng dưới sự quản lý, giám sát của Chính phủ và Quốc hội.

b) Định hướng cơ cấu lại tổ chức bộ máy của hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Đổi mới cơ cấu tổ chức của NHNN từ trung ương đến chi nhánh theo hướng tinh gọn và hiện đại. Tổ chức lại NHNN, sắp xếp lại các Vụ, Cục theo hướng tập trung quản lý, điều hành; nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích, dự báo và tính chuyên môn hóa của các đơn vị; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và quan hệ phối hợp giữa các đơn vị. Cơ cấu lại các chi nhánh NHNN theo hướng tập trung và không áp dụng một cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ đồng nhất đối với tất cả các chi nhánh NHNN; đồng thời chuẩn bị các điều kiện cần thiết để hình thành các chi nhánh NHNN khu vực, không nhất thiết bố trí chi nhánh NHNN theo địa giới hành chính (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc NHNN theo hướng chỉ giữ lại Nhà máy In tiền quốc gia, các doanh nghiệp còn lại sẽ được chuyển đổi sở hữu thông qua cổ phần hóa và sáp nhập. NHNN không đảm nhiệm chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các TCTD và doanh nghiệp trực thuộc NHNN có vốn của Nhà nước.

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



### c) Định hướng đổi mới điều hành chính sách tiền tệ

Điều hành CSTT theo nguyên tắc thận trọng, linh hoạt và hiệu quả trên nền tảng các công cụ CSTT hiện đại và công nghệ tiên tiến. Mục tiêu bao trùm của CSTT trong giai đoạn này là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng và góp phần tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế.

Xây dựng và thực thi CSTT theo nguyên tắc thị trường. Nâng cao năng lực của NHNN trong điều hành tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái thông qua việc đổi mới, hoàn thiện các công cụ CSTT, cơ chế điều hành tỷ giá hối đoái và lãi suất đồng bộ với việc phát triển thị trường tiền tệ phù hợp thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn Việt Nam. Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các công cụ của CSTT và giữa việc điều hành CSTT với các chính sách kinh tế vĩ mô khác. NHNN cần kiểm soát về cơ bản toàn bộ khối lượng tiền và các luồng tiền trong nền kinh tế.

Thực hiện điều hành CSTT dựa trên cơ sở điều tiết khối lượng tiền; đồng thời xây dựng các điều kiện cần thiết để chuyển dần sang thực hiện điều hành CSTT trên cơ sở điều tiết lãi suất. Tạo lập các điều kiện cần thiết để sau năm 2010 NHNN chuyển sang điều hành CSTT theo cơ chế lạm phát mục tiêu.

### d) Định hướng đổi mới chính sách quản lý ngoại hối

Tăng cường khả năng và mức độ bao quát của NHNN trong việc quản lý, giám sát các giao dịch ngoại hối trong nước và quốc tế, đồng thời có biện pháp hữu hiệu hạn chế, kiểm soát hiện tượng đào thoát vốn đầu tư ra nước ngoài. Thực hiện tự do hóa các giao dịch vãng lai và từng bước nới lỏng kiểm soát các giao dịch vốn một cách thận trọng, phù hợp với lộ trình mở cửa thị trường tài chính. Từng bước nâng cao tính chuyên đổi của đồng tiền Việt Nam và tạo nền tảng cho đồng tiền Việt Nam trở thành đồng tiền tự do chuyên đổi sau năm 2010 theo hướng trước mắt bảo đảm đồng tiền Việt Nam được tự do chuyên đổi trên các giao dịch vãng lai và từng bước được chuyên đổi trên các giao dịch vốn. Thu hẹp phạm vi sử dụng đồng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam và giảm dần tình trạng đô la hóa. Nâng cao trách nhiệm và khả năng của các NHTM trong việc đáp ứng nhu cầu về ngoại tệ đi đôi với việc nới lỏng hạn chế và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận thị trường ngoại hối.

Tăng nhanh dự trữ ngoại hối nhà nước. Thực hiện các biện pháp quản lý tập trung, thống nhất dự trữ ngoại hối nhà nước tại NHNN. Tập trung các nguồn ngoại



tệ vào hệ thống ngân hàng. Thực hiện chính sách ngoại hối mở để khuyến khích xuất khẩu và thu hút nguồn ngoại tệ chảy vào nền kinh tế thông qua hệ thống ngân hàng.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tỷ giá hối đoái linh hoạt, theo cơ chế thị trường và theo hướng gắn với một rổ các đồng tiền của các đối tác thương mại, đầu tư quan trọng của Việt Nam. Nới lỏng dần biên độ giao dịch của tỷ giá chính thức, tiến tới sử dụng các công cụ gián tiếp để điều hành tỷ giá hối đoái. Giảm mạnh và tiến tới xóa bỏ sự can thiệp hành chính vào thị trường ngoại hối. Phát triển mạnh thị trường ngoại hối và các thị trường tiền tệ phái sinh theo các thông lệ quốc tế. NHNN chỉ can thiệp thị trường và đáp ứng nhu cầu ngoại tệ thiết yếu của đất nước chủ yếu nhằm thực hiện mục tiêu CSTT và bình ổn thị trường tiền tệ. Nâng cao năng lực quản lý và can thiệp thị trường ngoại tệ của NHNN thông qua các nghiệp vụ thị trường. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về ngoại hối để tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường ngoại hối phát triển, các TCTD mở rộng hoạt động ngoại hối và các tổ chức, cá nhân tiếp cận một cách thuận lợi các nguồn ngoại hối. Thu hẹp đáng kể hoạt động ngoại hối không chính thức.

#### đ) Định hướng phát triển hệ thống giám sát ngân hàng

Trên cơ sở bộ máy Thanh tra NHNN hiện có, xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng hiện đại và hữu hiệu (về thể chế, mô hình tổ chức, con người và phương pháp) nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam và thực hiện đúng các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng. Thành lập Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng là một đơn vị (Cục) thuộc NHNN trên cơ sở bộ máy Thanh tra NHNN hiện nay. Từng bước tạo tiền đề để đến sau năm 2010 xây dựng được Cơ quan Giám sát tài chính tổng hợp, có vị thế và vai trò cao hơn trong việc thực hiện chức năng giám sát an toàn toàn bộ hoạt động tài chính, bao gồm ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm. Mục tiêu và trách nhiệm chính của Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng của NHNN là góp phần bảo đảm sự an toàn, ổn định của hệ thống các TCTD và chấp hành nghiêm minh pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, bảo vệ lợi ích của công chúng.

Hoàn thiện các điều kiện tiên quyết cho một hệ thống giám sát có hiệu quả:

Ưu tiên đổi mới mô hình tổ chức, hoạt động của Thanh tra NHNN hiện nay theo hướng nâng cao tính độc lập, thống nhất về hoạt động nghiệp vụ và chỉ đạo, điều hành của Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng dưới sự quản lý của Thống đốc NHNN.



Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về giám sát ngân hàng và hạ tầng cơ sở kỹ thuật phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng. Trước mắt, cần đưa các nội dung giám sát ngân hàng và định hướng đổi mới hệ thống giám sát ngân hàng, đặc biệt là đổi mới thanh tra, giám sát chuyên ngành ngân hàng vào các Luật NHNN và Luật TCTD mới. Xây dựng Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng (khi cần thiết). Bảo đảm để Cơ quan Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng có đủ quyền lực cần thiết trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn hệ thống và việc chấp hành đúng các quy định pháp luật trong hoạt động của các TCTD.

Hiện đại hóa và sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Đổi mới hoạt động cấp giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng, đơn giản hóa thủ tục cấp phép. Tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD thành lập và phát triển, đặc biệt là đổi mới các TCTD phi ngân hàng theo hướng bình đẳng trong tiếp cận thị trường và kinh doanh dịch vụ tiền tệ, ngân hàng trên cơ sở nâng cao kỷ luật thị trường, các yêu cầu về tiêu chuẩn thành lập các TCTD, quy định an toàn trong hoạt động ngân hàng để bảo đảm những TCTD thành lập mới phải có năng lực cạnh tranh, quy mô hoạt động, trình độ công nghệ, chất lượng và mức độ an toàn cao.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả phương pháp giám sát ngân hàng:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiệp vụ giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ, trong đó giám sát từ xa được coi là nghiệp vụ quan trọng, có chức năng cảnh báo sớm rủi ro trong hoạt động ngân hàng; sử dụng kết quả và hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập làm công cụ hỗ trợ cho quá trình giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ.

Hoàn thiện các quy định an toàn, các biện pháp thận trọng trong hoạt động ngân hàng; các quy định, chính sách quản lý các loại hình TCTD và hoạt động ngân hàng; đồng thời đổi mới nội dung, phương pháp, quy trình thanh tra, giám sát phù hợp sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ ngân hàng và trên cơ sở áp dụng các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng có hiệu quả của Ủy ban giám sát ngân hàng Basel và các chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng (Hiệp ước vốn Basel năm 1988 - Basel I), từng bước tiến tới thực hiện các nguyên tắc, chuẩn mực cơ bản theo Hiệp ước vốn mới (Basel II) sau năm 2010.

e) Định hướng đổi mới quản lý và phát triển nhân lực

Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ có đầy đủ năng lực và phẩm



chất nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển NHNN trở thành NHTW hiện đại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Cùng với việc đổi mới cơ chế quản lý tại NHNN, triển khai việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức NHNN theo hướng nâng cao chất lượng và trình độ cán bộ, công chức; sắp xếp và hợp lý hóa lực lượng lao động ở cả NHNN Trung ương và chi nhánh NHNN cho phù hợp với mô hình tổ chức mới, cơ chế quản lý mới cũng như yêu cầu phát triển của NHNN. Hoàn thiện hệ thống quy trình, chính sách quản lý lao động đi đôi với xây dựng môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh và cơ chế khuyến khích bằng vật chất và cơ hội nghề nghiệp nhằm bảo đảm thu hút lực lượng cán bộ giỏi theo hướng thu nhập bình quân của cán bộ NHNN không thấp hơn thu nhập bình quân của cán bộ trong các NHTMNN.

Thực hiện quản lý cán bộ theo khối lượng và chất lượng công việc chuyên môn được giao. Thực hiện cơ chế đãi ngộ cán bộ theo năng lực thực tế, vị trí công tác và mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. Cơ chế đãi ngộ, khen thưởng cùng với các biện pháp khuyến khích phi vật chất khác phải được đổi mới căn bản để thực sự trở thành động lực thúc đẩy các đơn vị và cá nhân nâng cao trình độ, phát huy lòng nhiệt tình, hăng hái thi đua, cống hiến năng lực và trí tuệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và gắn bó lâu dài với NHNN. Từng bước thực hiện cơ chế thi tuyển chức danh đối với một số vị trí quản lý, lãnh đạo; bố trí lao động phù hợp với năng lực cán bộ, yêu cầu và tính chất công việc. Tăng cường sử dụng phương thức hợp đồng thuê, khoán lao động và dịch vụ của các tổ chức cung ứng chuyên nghiệp đối với một số công việc hậu cần, phục vụ và công việc có tính thời vụ, không có liên quan đến sự an toàn, bí mật hoạt động của NHNN.

## **2. Định hướng phát triển các tổ chức tín dụng đến năm 2010**

a) Định hướng chiến lược phát triển các ngân hàng thương mại nhà nước (viết tắt là NHTMNN) và ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt là NHTMCP)

Các NHTMNN và các NHTM có cổ phần chi phối của Nhà nước đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong hệ thống ngân hàng về quy mô hoạt động, năng lực tài chính, công nghệ, quản lý và hiệu quả kinh doanh. Các NHTMNN cùng với NHTMCP trong nước đóng vai trò nòng cốt trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Các TCTD nước ngoài và các TCTD phi ngân hàng khác góp phần bảo đảm sự phát triển hoàn chỉnh, an toàn và hiệu quả của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các NHTM Việt Nam với chất lượng dịch vụ cao và thương hiệu mạnh.



Tiếp tục cơ cấu lại toàn diện các NHTM theo Đề án cơ cấu lại các NHTMNN và Đề án củng cố, chấn chỉnh các NHTMCP, cụ thể:

Tăng cường năng lực thể chế (cơ cấu lại tổ chức và hoạt động):

Sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các NHTM từ trung ương đến chi nhánh. Đổi mới tổ chức bộ máy quản lý, kinh doanh ở hội sở chính phù hợp với thông lệ quốc tế. Phân biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị và ban điều hành. Bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị ít nhất gồm có Ban Kiểm soát/Kiểm toán, Hội đồng/Ủy ban quản lý rủi ro.

Mở rộng quan hệ đại lý, hợp tác kinh doanh, phát triển sản phẩm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các tổ chức tài chính nước ngoài. Xúc tiến hiện diện thương mại của các NHTM Việt Nam tại các thị trường tài chính khu vực và quốc tế.

Mở rộng quy mô hoạt động đi đôi với tăng cường năng lực tự kiểm tra, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh. Bảo đảm để cơ quan kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động độc lập và chuyên nghiệp. Phát triển hệ thống thông tin tập trung và quản lý rủi ro độc lập, tập trung toàn hệ thống. Phát triển các hệ thống quản lý của NHTM phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế và thực tiễn của các NHTM Việt Nam.

Tăng cường năng lực tài chính (cơ cấu lại tài chính):

Lành mạnh hóa và nâng cao một cách nhanh chóng và căn bản năng lực tài chính của các NHTM để bảo đảm các NHTM có đủ năng lực tài chính (về quy mô và chất lượng). Tiếp tục tăng quy mô vốn điều lệ, tài sản có đi đôi với nâng cao chất lượng và khả năng sinh lời của tài sản có; giảm tỷ trọng tài sản có rủi ro trong tổng tài sản có. Xử lý dứt điểm nợ tồn đọng và làm sạch bảng cân đối của các NHTMNN.

Tăng vốn tự có của các NHTM bằng lợi nhuận để lại; phát hành cổ phiếu, trái phiếu; sáp nhập; hợp nhất; mua lại. Kiên quyết xử lý các NHTMCP yếu kém và có khả năng gây rủi ro lớn cho hệ thống ngân hàng, bao gồm cả các biện pháp giải thể, phá sản các NHTMCP theo quy định pháp luật, song đảm bảo không gây tác động lớn về mặt kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện cho các NHTM mua, bán, hợp nhất, sáp nhập để tăng khả năng cạnh tranh và quy mô hoạt động. Bảo đảm duy trì mức vốn tự có của các NHTM phù hợp với quy mô tài sản có trên cơ sở thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% trong trung hạn và 10% trong dài hạn.



Từng bước cổ phần hóa các NHTMNN theo nguyên tắc thận trọng, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội và an toàn hệ thống ngân hàng. Cho phép các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các ngân hàng có tiềm lực tài chính, công nghệ, quản lý và uy tín mua cổ phiếu, tham gia quản trị, điều hành NHTM Việt Nam. Về lâu dài, nhà nước chỉ cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc tỷ lệ cổ phần lớn tại một số ít NHTMNN được cổ phần hóa tùy theo điều kiện cụ thể của từng ngân hàng và yêu cầu quản lý, bảo đảm an toàn, hiệu quả của hệ thống ngân hàng nhằm nâng cao nguyên tắc thương mại, kỷ luật thị trường trong hoạt động của các NHTM.

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý đối với các NHTMNN và các TCTD khác. Theo đó, các TCTD được thực sự tự chủ (về tài chính, hoạt động, quản trị điều hành, tổ chức bộ máy, nhân sự), hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và được hoạt động trong khuôn khổ pháp lý minh bạch, công khai, bình đẳng. Quan hệ giữa NHNN với các TCTD không chỉ là quan hệ quản lý nhà nước mà còn là quan hệ kinh tế trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc thị trường, minh bạch, xóa bỏ bao cấp, đặc quyền, thiên vị và độc quyền kinh doanh. Xóa bỏ cơ chế đại diện chủ sở hữu của NHNN đối với các NHTMNN. NHNN đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động tiền tệ, ngân hàng thông qua việc ban hành các quy định, chính sách, điều tiết thị trường tiền tệ và tổ chức thực hiện giám sát an toàn cũng như việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động tiền tệ, ngân hàng.

Phần đầu hoàn thành về cơ bản chương trình tái cơ cấu NHTM trước năm 2009.

b) Định hướng chiến lược phát triển các quỹ tín dụng nhân dân (viết tắt là QTDND)

Phát triển QTDND thực sự trở thành TCTD hợp tác độc lập, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm kết quả hoạt động và nhằm mục đích chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên. QTDND hoạt động theo Luật Các TCTD và Luật Hợp tác xã. Phạm vi hoạt động chủ yếu của QTDND là huy động vốn và cho vay các thành viên ở khu vực nông thôn nhằm huy động các nguồn lực tại chỗ để góp phần phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo và đẩy lùi cho vay nặng lãi.

c) Định hướng chiến lược phát triển các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

Tuân thủ các quy định của Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các thỏa thuận song phương khác với Nhật Bản, EU, các quy định của WTO (khi Việt Nam gia nhập) và cam kết quốc tế về mở cửa thị trường dịch vụ tài chính - ngân hàng. Tiếp tục



chủ động nới lỏng các hạn chế về tiếp cận thị trường và hoạt động ngân hàng của các TCTD nước ngoài tại Việt Nam theo lộ trình đã cam kết. Vừa tạo cơ hội cho các TCTD nước ngoài vào hoạt động hợp pháp và theo cam kết quốc tế, vừa có phương thức, cơ chế quản lý mềm dẻo, đúng pháp luật và phù hợp thông lệ quốc tế để hạn chế sự thao túng, cạnh tranh không lành mạnh hoặc thôn tính bất lợi của các TCTD nước ngoài đối với các TCTD Việt Nam.

#### d) Định hướng chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng

Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và dịch vụ tài chính, ngân hàng mới có hàm lượng công nghệ cao. Nâng cao năng lực cạnh tranh của dịch vụ ngân hàng của các TCTD Việt Nam theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, hạn chế bao cấp và chống độc quyền cung cấp dịch vụ ngân hàng để từng bước phát triển thị trường dịch vụ ngân hàng thông thoáng, cạnh tranh lành mạnh, an toàn và hiệu quả. Không hạn chế quyền tiếp cận của các tổ chức, cá nhân đến thị trường dịch vụ ngân hàng, đồng thời tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu và đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực, thủ tục, điều kiện giao dịch được tiếp cận các dịch vụ ngân hàng. Từng bước tự do hóa gia nhập thị trường và khuyến khích các TCTD cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ, công nghệ, uy tín, thương hiệu thay vì dựa chủ yếu vào giá cả dịch vụ và mở rộng mạng lưới. Đến năm 2010, hệ thống ngân hàng Việt Nam phấn đấu phát triển được hệ thống dịch vụ ngân hàng ngang tầm với các nước trong khu vực ASEAN về chủng loại, chất lượng và có khả năng cạnh tranh quốc tế ở một số dịch vụ.

### 3. Định hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng đến năm 2010

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn kinh doanh tiền tệ - ngân hàng. Xây dựng môi trường pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng. Các chính sách và quy định pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng góp phần tạo môi trường lành mạnh và động lực cho các TCTD, doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất kinh doanh. Loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi trong lĩnh vực ngân hàng và phân biệt đối xử giữa các TCTD. Ban hành Luật NHNN (mới) thay thế Luật NHNN (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật



NHNN (năm 2003); Luật các TCTD (mới) thay thế Luật các TCTD (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD (năm 2004) để tạo cơ sở thúc đẩy quá trình cải cách, phát triển hệ thống tiền tệ, ngân hàng an toàn, hiện đại và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Luật NHNN và Luật các TCTD hướng tới điều chỉnh mọi hoạt động tiền tệ, ngân hàng, không phân biệt đối tượng tiến hành hoạt động ngân hàng. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Tăng cường hiệu lực những chế tài pháp lý, kinh tế và hành chính bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền lợi chính đáng của các TCTD. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ việc hình sự hóa các quan hệ kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng.

#### **4. Định hướng phát triển công nghệ và hệ thống thanh toán ngân hàng đến năm 2010**

Phát triển hạ tầng công nghệ ngân hàng hiện đại ngang tầm với các nước trong khu vực dựa trên cơ sở ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, điện tử tiên tiến và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hiện đại hóa toàn diện, đồng bộ công nghệ ngân hàng của NHNN và các TCTD trên các mặt về nghiệp vụ, quản lý và phương tiện kỹ thuật. Tiếp cận nhanh, vận hành có hiệu quả và làm chủ được các ứng dụng công nghệ ngân hàng tiên tiến.

Phấn đấu xây dựng hệ thống thanh toán ngân hàng an toàn, hiệu quả và hiện đại ngang tầm trình độ phát triển của các nước trong khu vực (về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khuôn khổ thể chế và dịch vụ thanh toán). Phát triển hệ thống thanh toán điện tử trong toàn quốc; hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, thanh toán bù trừ và hệ thống thanh toán nội bộ của các NHTM theo hướng tự động hóa với cấu trúc mở và có khả năng tích hợp hệ thống cao đối với các ứng dụng. Kết nối hệ thống thanh toán của các NHTM với hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước và làm dịch vụ thanh toán bù trừ, liên ngân hàng của NHNN. Phát triển công nghệ, phương tiện thanh toán, các hình thức và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tiên tiến, an toàn, hiệu quả.

#### **5. Định hướng phát triển thị trường tiền tệ đến năm 2010**

Phát triển thị trường tiền tệ an toàn, đồng bộ và mang tính cạnh tranh cao nhằm tạo cơ sở quan trọng cho hoạch định và điều hành CSTT, huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực tài chính, giảm thiểu rủi ro cho các TCTD. Củng cố, phát triển thị trường liên ngân hàng với cơ chế hoạt động thông thoáng, đồng thời tăng

0995407  
www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684



cường vai trò của NHNN trong giám sát, điều hành hoạt động thị trường. Phát triển thị trường đấu thầu trái phiếu, tín phiếu kho bạc và thị trường mở. Đẩy mạnh hoạt động đại lý phát hành chứng khoán của Chính phủ. Tăng số lượng và chủng loại chứng khoán có độ an toàn và tính thanh khoản cao được phép giao dịch trên thị trường mở; đồng thời nới lỏng các hạn chế tiếp cận thị trường đối với các TCTD. Tăng cường sự liên kết hoạt động và quản lý, điều hành giữa các thị trường tiền tệ bộ phận; giữa thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán. Hạn chế can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường tiền tệ.

### III. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP LỚN

Mục tiêu, định hướng phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 được triển khai thực hiện theo các nhóm giải pháp chủ yếu sau:

#### 1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

- Tiến hành rà soát, bổ sung, chỉnh sửa cơ chế, chính sách và các văn bản phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, đặc biệt là các cam kết gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO).

- Xây dựng các luật và văn bản hướng dẫn có liên quan để tạo tính đồng bộ, nhất quán và hoàn chỉnh của hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trong đó ưu tiên xây dựng Luật NHNN, Luật các TCTD (mới) và hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai hai luật này.

Giai đoạn sau năm 2007:

+ Trình Quốc hội Luật NHNN mới thay thế Luật NHNN (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NHNN (năm 2003);

+ Trình Quốc hội Luật các TCTD (mới) thay thế Luật các TCTD (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD (năm 2004);

+ Trình Quốc hội Luật Bảo hiểm tiền gửi;

+ Trình Quốc hội Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện căn bản cơ chế, chính sách về tín dụng, đầu tư, bảo đảm tiền vay, ngoại hối, huy động vốn, thanh toán và các hoạt động ngân hàng khác; các quy định về quản lý và giám sát cung cấp dịch vụ ngân hàng; cấp giấy phép và quản lý các loại hình TCTD; các quy định về mua, bán, sáp nhập, hợp nhất, giải thể và cơ cấu lại các TCTD.



## **2. Tăng cường năng lực xây dựng, thực thi chính sách tiền tệ và chính sách quản lý ngoại hối**

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều hành các công cụ CSTT, đặc biệt là các công cụ gián tiếp mà vai trò chủ đạo là nghiệp vụ thị trường mở;

- Gắn kết chặt chẽ điều hành tỷ giá hối đoái với điều hành lãi suất; điều hành nội tệ với điều hành ngoại tệ. Đổi mới cơ chế điều hành lãi suất và tỷ giá hối đoái theo nguyên tắc thị trường;

- Xác định rõ trách nhiệm của NHNN trong việc điều hành CSTT lấy kiểm soát lạm phát làm chức năng chính, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong điều hành CSTT.

## **3. Tăng cường năng lực giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Tập trung cải cách và phát triển hệ thống giám sát ngân hàng theo các nội dung chủ yếu sau:

- Đổi mới mô hình tổ chức của Thanh tra NHNN hiện nay theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên nghiệp và phù hợp với chuẩn mực quốc tế về thanh tra, giám sát ngân hàng (Basel); thành lập Cục Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng thuộc cơ cấu tổ chức bộ máy của NHNN. Tập trung nâng cao năng lực và đổi mới triệt để phương pháp giám sát dựa trên cơ sở rủi ro, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giám sát từ xa;

- Mở rộng danh mục các đối tượng chịu sự thanh tra, giám sát của NHNN;

- Hoàn thiện quy chế kiểm toán độc lập đối với các TCTD cho phù hợp với thực tiễn Việt Nam và thông lệ quốc tế. Hoàn thiện quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ quan kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong các TCTD;

- Xây dựng và triển khai khuôn khổ quy trình và phương pháp thanh tra, giám sát dựa trên cơ sở tổng hợp và rủi ro. Xây dựng hệ thống giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng có khả năng cảnh báo sớm đối với các TCTD có vấn đề và các rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Ban hành quy định mới đánh giá, xếp hạng các TCTD theo tiêu chuẩn CAMEL(S);

- Chỉnh sửa phù hợp các quy định, chính sách về bảo hiểm tiền gửi để buộc các tổ chức tài chính - tín dụng có huy động tiền gửi theo quy định của Luật các TCTD đều phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. Nâng cao vai trò, năng lực tài chính và hoạt động của Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam trong việc giám sát, hỗ trợ, xử lý các tổ

chức tham gia bảo hiểm tiền gửi gặp khó khăn và góp phần bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng. Tăng cường sự phối hợp giữa Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam và Cục Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng trong quá trình giám sát các TCTD và xử lý các vấn đề khó khăn của các TCTD. Từng bước chuyển sang thực hiện cơ chế bảo hiểm tiền gửi dựa trên cơ sở mức độ rủi ro của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

- Tăng cường vai trò và năng lực hoạt động của Trung tâm Thông tin tín dụng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin tín dụng nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các TCTD và hoạt động giám sát của NHNN đối với các TCTD;

- Rà soát và hoàn thiện quy định về an toàn hoạt động ngân hàng phù hợp hơn với thông lệ tốt, chuẩn mực quốc tế và đảm bảo việc tuân thủ nghiêm túc các quy định này, đặc biệt là quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro. Ban hành quy định về tiêu chuẩn và yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống quản trị nói chung và quản lý rủi ro nói riêng áp dụng đối với các TCTD. Minh bạch hóa hoạt động ngân hàng. Tạo điều kiện cho các TCTD cổ phần niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm (Sở) Giao dịch Chứng khoán;

- Phát triển đội ngũ cán bộ thanh tra, giám sát đủ về số lượng và có trình độ nghiệp vụ cao, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, được trang bị đầy đủ kiến thức về pháp luật, quản lý và các công cụ thực thi nhiệm vụ;

- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế và tham gia các hiệp ước, thỏa thuận quốc tế về giám sát ngân hàng và an toàn hệ thống tài chính. Tăng cường trao đổi thông tin với các cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài.

#### **4. Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán**

- Hiện đại hóa hệ thống giao dịch ngân hàng. Tích cực xúc tiến thương mại điện tử và phát triển dịch vụ ngân hàng mới dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng điện tử, tự động;

- Tiếp tục nâng cấp mạng diện rộng và hạ tầng công nghệ thông tin với các giải pháp kỹ thuật và phương thức truyền thông phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam và các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Hoàn thiện và phát triển các mô thức quản lý nghiệp vụ ngân hàng cơ bản; các quy trình, thủ tục quản lý và tác nghiệp theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế; đồng thời theo hướng hiện đại, tự động hóa và được tích hợp trong hệ thống quản trị ngân hàng hoàn chỉnh và tập trung;



- Tăng cường hệ thống an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu và an ninh mạng. Triển khai các đề án cải tạo, nâng cấp các giải pháp an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, bảo đảm an toàn tài sản và hoạt động của NHNN và các TCTD. Xây dựng hệ thống bảo mật thông tin, dữ liệu và an toàn mạng, trong đó khẩn trương hoàn thành và đưa vào sử dụng các Trung tâm Dữ liệu dự phòng hay Trung tâm Phục hồi thảm họa của NHNN và các TCTD. Nghiên cứu và xây dựng chiến lược về đường truyền dữ liệu, liên kết với mạng thông tin quốc gia để tạo thế chủ động cho ngành ngân hàng;

- Cải tạo và nâng cấp các hệ thống công nghệ thông tin của NHNN và các TCTD. Xây dựng và triển khai các đề án, dự án liên kết, phát triển hệ thống máy rút tiền tự động ATM. Phát triển các công ty dịch vụ thẻ ngân hàng và các mô hình tổ chức thanh toán thích hợp;

- Cải cách hệ thống kế toán ngân hàng hiện hành theo các chuẩn mực kế toán quốc tế, đặc biệt là các vấn đề phân loại nợ theo chất lượng/mức độ rủi ro, trích lập dự phòng rủi ro, hạch toán thu nhập/chi phí;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin, thống kê, báo cáo nội bộ ngành ngân hàng để xây dựng được hệ thống thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu quốc gia hiện đại, tập trung và thống nhất. Triển khai mạng thông tin nội bộ rộng khắp toàn hệ thống trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mạng.

## **5. Nâng cao hiệu quả tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực**

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức:

+ Hệ thống NHNN: đến năm 2010, mô hình tổ chức bộ máy của NHNN về cơ bản không có thay đổi lớn so với hiện nay. Tuy nhiên, sẽ sắp xếp lại, hình thành mới những vụ, cục cần thiết tại NHNN Trung ương để thực hiện có hiệu lực và hiệu quả hơn vai trò của NHTW hiện đại; quy mô và phạm vi hoạt động, cơ cấu tổ chức của các chi nhánh NHNN sẽ có sự điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên từng địa bàn cũng như những thay đổi trong sắp xếp, tổ chức các hoạt động nghiệp vụ của từng chi nhánh NHNN thuộc các lĩnh vực chủ yếu như thanh tra, giám sát, cung ứng tiền mặt và thanh toán. Một số chi nhánh NHNN ở các địa bàn quan trọng sẽ được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ trên ở phạm vi địa lý rộng hơn (không giới hạn bởi địa giới hành chính) nhằm tạo tiền đề để phát triển thành chi nhánh NHNN khu vực ở giai đoạn sau. Các chi nhánh NHNN còn lại sẽ giảm bớt chức năng, nhiệm vụ và quy mô bộ máy, lao động một cách phù hợp;



+ Các TCTD: cơ cấu lại tổ chức bộ máy của TCTD, bao gồm sắp xếp, củng cố bộ máy quản trị, điều hành, các phòng, ban tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch và các doanh nghiệp trực thuộc TCTD.

- Xây dựng và từng bước áp dụng cơ chế quản lý mới tại NHNN nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phù hợp với xu thế quản lý được áp dụng tại NHTW nhiều nước. Trong khuôn khổ đó, xây dựng hệ thống khuyến khích lao động có hiệu quả và hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý nguồn nhân lực. Tuyển dụng, bố trí, đánh giá, đề bạt và đãi ngộ cán bộ dựa trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ và tính chất, yêu cầu của công việc. Thể chế hóa rõ ràng các quyền và nghĩa vụ của cán bộ. Thực hiện nguyên tắc dân chủ và minh bạch trong công tác cán bộ. Hạn chế sự can thiệp hành chính của các cơ quan chức năng đối với công tác cán bộ của các TCTD;

- Tăng cường và đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý và chuyên môn cho cán bộ các cấp, đồng thời nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của cán bộ ngân hàng. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo trong ngành Ngân hàng. Thành lập Trung tâm Đào tạo thuộc NHNN.

## 6. Phát triển thị trường tiền tệ

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý, điều hành thị trường tiền tệ theo hướng mở rộng quyền tiếp cận thị trường và khả năng phát hành các công cụ tài chính có mức độ rủi ro thấp, trong đó khuyến khích một số NHTM lớn có đủ điều kiện và năng lực trở thành thành viên chủ đạo, có vai trò kiến tạo trên các thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường tiền tệ phái sinh;

- Đa dạng hóa đối tượng tham gia, các công cụ và phương thức giao dịch trên thị trường tiền tệ, đặc biệt là các sản phẩm phái sinh, công cụ phòng ngừa rủi ro. Tạo điều kiện cho các TCTD phát hành các giấy tờ có giá có độ an toàn cao, bao gồm cả các loại trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.

## 7. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngân hàng thương mại theo các đề án được duyệt

- Hoàn thiện mô hình tổ chức từ Hội sở chính đến các chi nhánh NHTM theo những thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt: cơ cấu lại tổ chức của bộ máy quản trị (Hội đồng quản trị), bộ máy điều hành (Ban điều hành) và các phòng, ban tại Hội sở chính để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, điều hành; xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận, các cấp. Khẩn trương quy hoạch, sắp xếp lại



(bao gồm số lượng, địa bàn, tổ chức bộ máy, thẩm quyền, phạm vi hoạt động,...) đi đôi với tiếp tục mở rộng hợp lý mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch, quỹ tiết kiệm và các kênh phân phối khác của các NHTM;

- Lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính của các NHTM:

+ Xây dựng cơ chế kiểm soát tín dụng hữu hiệu, đặc biệt là ngăn chặn nợ xấu gia tăng và biện pháp xử lý rủi ro tín dụng. Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế và lập báo cáo tài chính theo tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);

+ Trước năm 2008, hoàn thành cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long. Đến năm 2010, cổ phần hóa phần lớn các NHTMNN. Tạo điều kiện cho các NHTMNN phát hành trái phiếu dài hạn. Phần đầu đạt mức vốn tự có của các NHTMNN tương đương hệ số an toàn vốn trên 6% (đến cuối năm 2006) và trên 8% (trước năm 2010). Một số NHTMNN có mục tiêu hoạt động giống nhau và mạng lưới chi nhánh trùng lặp có thể áp dụng giải pháp sáp nhập, hợp nhất và các giải pháp thích hợp khác.

- Nâng cao hiệu lực quản lý và tăng cường năng lực quản trị rủi ro: Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, hoạt động của cơ quan kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các cấu phần quản trị rủi ro. Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thanh khoản; rủi ro thị trường, lãi suất, tỷ giá hối đoái; rủi ro tín dụng;

- Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa công nghệ ngân hàng theo Đề án cơ cấu lại NHTMNN, Đề án củng cố, chấn chỉnh NHTMCP và các nội dung liên quan tại Quyết định này;

- Trước ngày 31 tháng 12 năm 2007, tổ chức đánh giá chương trình cơ cấu lại NHTMNN, đặc biệt là chương trình phát triển thể chế quản trị mới để rút kinh nghiệm, đẩy mạnh và nhân rộng chương trình này ra cho các NHTMCP.

**8. Tăng cường năng lực và chất lượng hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân; phát triển vững chắc, an toàn các quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới**

- Nâng cao hiệu quả, năng lực tài chính, hoạt động và trình độ quản lý của các QTDND nhằm bảo đảm an toàn hoạt động của QTDND. Tiếp tục triển khai và hoàn thành công tác củng cố, chấn chỉnh hoạt động của các QTDND. Xử lý dứt điểm việc thanh lý các QTDND đã bị thu hồi giấy phép hoạt động để chuyển sang giai đoạn hoàn thiện và phát triển hệ thống QTDND trong những năm tiếp theo.



Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ và nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ QTDND cơ sở. Tăng vốn tự có, hiện đại hóa công nghệ quản lý và hoạt động nghiệp vụ của các QTDND. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy kiểm tra, kiểm soát nội bộ của các QTDND. Tiếp tục xây dựng và phát triển các quỹ tín dụng nhân dân mới ở nơi có nhu cầu và đủ điều kiện phát triển lành mạnh, an toàn.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống QTDND bao gồm QTDND Trung ương và các QTDND cơ sở. Phát triển QTDND Trung ương thành ngân hàng hợp tác có đủ năng lực tài chính, khả năng chăm sóc và là đầu mối hỗ trợ cho các QTDND cơ sở về tài chính, quản lý và công nghệ nhằm đưa hoạt động của QTDND đi đúng hướng và bảo đảm an toàn. Thành lập tổ chức liên kết phát triển hệ thống QTDND, trong đó tổ chức đầu mối là Hiệp hội QTDND. Thành lập nguồn dự phòng chi trả và Quỹ An toàn hệ thống QTDND. Thành lập tổ chức kiểm toán QTDND có đầy đủ các nguồn lực về tài chính, nhân sự, chuyên môn và tổ chức bộ máy để thực thi nhiệm vụ. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản trị, điều hành và bộ máy kiểm soát của các QTDND cơ sở.

### **9. Củng cố, phát triển và tăng cường quản lý các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức khác có hoạt động ngân hàng, kể cả các tổ chức tài chính quy mô nhỏ**

Tạo điều kiện việc thành lập và phát triển các TCTD phi ngân hàng, kể cả các tổ chức trung gian có tác dụng hỗ trợ cho hoạt động ngân hàng. Nâng cao vai trò quản lý, giám sát của NHNN đối với các TCTD phi ngân hàng và các tổ chức không phải là TCTD có hoạt động ngân hàng, bao gồm cả các tổ chức tài chính quy mô nhỏ và những tổ chức khác có hoạt động liên quan chặt chẽ với hoạt động ngân hàng. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, chính sách để thúc đẩy sự phát triển và hoạt động lành mạnh của các tổ chức này.

### **10. Hoàn thiện và tăng cường quản lý các ngân hàng chính sách, định chế tài chính phát triển của Nhà nước**

Xác định rõ phạm vi và nội dung hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, đi đôi với tách bạch giữa tín dụng chính sách, tín dụng hỗ trợ của Nhà nước với tín dụng thương mại của các TCTD. Tổ chức triển khai có hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện các hoạt động tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, kể cả tín dụng hỗ trợ xuất khẩu, đồng thời trong tương lai tiến tới thành lập Ngân hàng Xuất Nhập khẩu khi xét thấy có đủ điều kiện. Tăng cường



vai trò quản lý, giám sát của NHNN đối với hoạt động ngân hàng của các ngân hàng chính sách và các định chế tài chính của Nhà nước.

### **11. Đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng**

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng theo lộ trình và bước đi phù hợp với khả năng của hệ thống ngân hàng Việt Nam, trước hết là năng lực cạnh tranh của các TCTD và khả năng quản lý, kiểm soát hệ thống của NHNN;

- Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình cam kết của Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, Hiệp định khung về thương mại, dịch vụ ASEAN (AFAS); đồng thời thực hiện các cam kết gia nhập WTO theo yêu cầu của Hiệp định WTO/GATS;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật theo các cam kết mở cửa thị trường. Từng bước nới lỏng quyền tiếp cận thị trường dịch vụ ngân hàng (trong nước và nước ngoài) đối với cả bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ ngân hàng (trong nước và nước ngoài). Tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD trong nước mở rộng hoạt động ra thị trường nước ngoài thông qua các hình thức cung cấp dịch vụ trong khuôn khổ WTO, đặc biệt là hiện diện thương mại và cung cấp qua biên giới;

- Tham gia các điều ước quốc tế, các diễn đàn khu vực và quốc tế về tiền tệ, ngân hàng. Phát triển quan hệ hợp tác đa phương và song phương trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng nhằm tận dụng nguồn vốn, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến của nước ngoài; phối hợp với các cơ quan thanh tra, giám sát tài chính phát hiện, ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro trên phạm vi khu vực và toàn cầu.

## **IV. MỘT SỐ DỰ ÁN, ĐỀ ÁN CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM**

Nhóm các dự án xây dựng Luật

1. Dự án Luật NHNN thay thế Luật NHNN (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NHNN (năm 2003); (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Quốc hội trong năm 2008).

2. Dự án Luật các TCTD thay thế Luật các TCTD (năm 1997), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD (năm 2004); (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Quốc hội trong năm 2008).

3. Dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi; (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Quốc hội sau năm 2007).

4. Dự án Luật Giám sát an toàn hoạt động ngân hàng. (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Quốc hội sau năm 2007).

Nhóm các dự án, đề án khác

1. Đề án tăng cường năng lực tài chính (tăng vốn tự có, xử lý các tổn động tài chính, chủ yếu là nợ xấu) của các NHTM theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kế toán, phân loại nợ và lộ trình cổ phần hóa các NHTMNN (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2006 để phê duyệt).

2. Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của các TCTD phi ngân hàng (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).

3. Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của tổ chức khác có hoạt động ngân hàng (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).

4. Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).

5. Dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn II do Ngân hàng Thế giới tài trợ (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2007).

6. Dự án hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Thế giới tài trợ (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 6 năm 2007 để phê duyệt).

7. Đề án lộ trình nâng cao tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam, khắc phục từng bước hiện tượng đô la hóa trong nền kinh tế (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).

8. Xây dựng Đề án tuyên truyền và phát triển hoạt động tài chính quy mô nhỏ, nâng cao vai trò của hoạt động tài chính quy mô nhỏ trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2007 để phê duyệt).



9. Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia (NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Chính phủ trong năm 2006 để phê duyệt).

10. Nghiên cứu, xây dựng quy định về hình thức, cơ chế công bố thông tin về lạm phát để tăng cường sự hiểu biết của công chúng về lạm phát (Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành hữu quan xây dựng và tổ chức thực hiện trong năm 2006)./.

**THỦ TƯỚNG**

**Phan Văn Khải**